

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2019

V/v: Ly hôn giữa anh V và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1982

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn 17, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Phạm Văn V trình bày: Anh và chị Dương Thị T đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, cưới xong chị T về chung sống cùng anh ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T không muốn ở nhà làm ăn kinh tế và chăm sóc các con mà tự ý đi làm công ty không bàn bạc gì với anh, không quan tâm gì

đến chồng, con. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ợ chồng anh có 02 con chung là Phạm Thị Thùy Dương, sinh ngày 17/10/2001 và Phạm Ngọc Đạt, sinh ngày 05/6/2005. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn anh và chị T thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết vì anh chị không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của các con.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh V.

Tại các lời khai bị đơn, chị Dương Thị T trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như anh V trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hiểu và thông cảm cho nhau. Nay anh V xin ly hôn chị nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Thị Thùy Dương, sinh năm 2001 và Phạm Ngọc Đạt, sinh năm 2005. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh V, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị và anh V không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh V, chị T chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, cả anh V và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS. Cho ly hôn giữa anh V và chị T

Về nuôi con chung: Các đương sự thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V và chị T, cả anh V và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về nội dung*: Anh Phạm Văn V và chị Dương Thị T đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh V và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh V và chị T về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T tự ý đi làm công ty không bàn bạc với anh V, không quan tâm đến chồng, con nên anh V và chị T đã sống ly thân không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay anh V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T. Chị T cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh V và chị T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh V được ly hôn chị T.

[3] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng anh V và chị T có 02 con chung Phạm Thị Thùy Dương, sinh năm 2001 và Phạm Ngọc Đạt, sinh năm 2005. Ly hôn anh V và chị T đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết vì không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản và công nợ chung*: Anh V và chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn V và chị Dương Thị T.

2. *Về án phí*: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003851 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Y, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Chung, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hà và anh Nguyễn Văn Chung.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà nuôi cả 2 con Nguyễn Trần Bảo Ngọc, sinh ngày 23/4/2009 và Nguyễn Trần Ngọc Diệp, sinh ngày 24/3/2011 vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Chung có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Chung thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Hà phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân Chung

Hoàng Văn Toàn